



VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG LẬP PHÁP VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ThS. Nguyễn Thị Mai Phương

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội



Quốc hội Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, trong đó có pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (S.T.I.D). Hoạt động lập pháp của Quốc hội không chỉ thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng mà còn tạo hành lang pháp lý quan trọng, đồng thời định hướng, kiến tạo phát triển cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN).



Nhìn lại chặng đường 80 năm hình thành và phát triển của Quốc hội Việt Nam, đặc biệt qua 05 bản Hiến pháp đã được ban hành, có thể thấy KH&CN luôn được coi là một trong những nhân tố quyết định trình độ phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng và động lực cho việc gìn giữ, bảo vệ và phát triển đất nước. Bài viết tập trung khái quát quá trình lập pháp của Quốc hội về KH&CN qua các giai đoạn phát triển của đất nước với những quyết sách quan trọng liên quan đến S.T.I.D, qua đó khẳng định vai trò dẫn dắt của Quốc hội trong kiến tạo thể chế phát triển.

Giai đoạn 1 - Hình thành nền tảng pháp lý ban đầu về khoa học và kỹ thuật

Trước Đổi mới (năm 1986), Quốc hội đã ban hành 03 bản Hiến pháp (Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 1946, Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 1959, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1980).

Các bản Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959 tiếp cận khoa học và kỹ thuật theo hướng là quyền lợi của công dân - quyền được tự do nghiên cứu khoa học, khuyến khích sự sáng tạo của công dân. Đây là nền móng quan trọng Quốc hội quy định làm cơ sở Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 105-TTg ngày 11/3/1959 về việc kịp thời tổ chức và lãnh đạo phong



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam, ngày 18/5/1963. Ảnh: ST.

trào cải tiến kỹ thuật, sáng kiến phát minh của quần chúng; các chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch khoa học - kỹ thuật cho các năm 1959-1960 và kế hoạch khoa học - kỹ thuật 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Chính phủ thành lập các viện nghiên cứu, trường đại học và thành lập Viện Khoa học Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam).

Hiến pháp 1980, Quốc hội đã thể hiện bước tiến quan trọng trong tư duy lập hiến về khoa học và kỹ thuật, ghi nhận một cách có hệ thống với nhiều tư tưởng mới, phản ánh bước chuyển quan trọng trong



nhận thức của Nhà nước về vai trò của khoa học và kỹ thuật trong xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có thể khái quát các tư tưởng mới nổi bật như: Khoa học và kỹ thuật được xác lập là động lực trung tâm của phát triển kinh tế - xã hội, công cụ quan trọng để xây dựng mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa; khẳng định vai trò chủ đạo của Nhà nước trong tổ chức, phát triển khoa học và kỹ thuật, gắn khoa học và kỹ thuật với sản xuất và thực tiễn đời sống, quan tâm đặc biệt đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, coi đây là nguồn lực quan trọng của phát triển quốc gia.

Việc ghi nhận vai trò của khoa học và kỹ thuật trong Hiến pháp 1980 của Quốc hội đã tạo cơ sở hiến định cho Chính phủ, bộ/ngành ban hành một loạt các văn bản pháp luật quan trọng để thể chế hóa Hiến pháp, có thể kể đến những văn bản tiêu biểu trong thời kỳ này là Quyết định số 175-CP năm 1981 cho phép cơ quan nghiên cứu khoa học, triển khai kỹ thuật, các trường đại học và trung học chuyên nghiệp ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế với nhau hoặc với các tổ chức kinh tế của Nhà nước và của tập thể; các quy định về chế độ kiêm nhiệm của cán bộ khoa học; chế độ quản lý vật tư, thiết bị khoa học, v.v. Các chính sách này ra đời với mục tiêu áp dụng thành tựu của KH&CN vào sản xuất và đời sống; mở rộng liên kết chặt chẽ, gắn bó giữa khoa học, đào tạo với sản xuất; nâng cao quyền tự chủ trong hoạt động khoa học của các cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật; đồng thời, khuyến khích cán bộ khoa học hướng về cơ sở, tích cực nghiên cứu để giải quyết những khó khăn về kỹ thuật sản xuất; Nghị quyết số 51/HĐBT ngày 17/5/1983 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác khoa học và kỹ thuật năm 1983 và những năm tiếp theo, cho phép các tổ chức khoa học và kỹ thuật có quyền làm dịch vụ, sản xuất các sản phẩm nghiên cứu, được thành lập các quỹ phát triển khoa học - kỹ thuật, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng từ thu nhập do ký hợp đồng kinh tế với các cơ sở sản xuất - kinh doanh trong việc nghiên cứu ứng dụng, triển khai và áp dụng kỹ thuật mới. Điều này đồng nghĩa với việc thừa nhận tổ chức KH&CN là một đơn vị sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hóa đặc biệt, sản phẩm khoa học có thị trường trao đổi mua bán.

Có thể nói, các quy định về khoa học và kỹ thuật trong các bản Hiến pháp do Quốc hội ban hành trong giai đoạn này có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành nhận thức ban đầu về vai trò của khoa học và kỹ

thuật trong phát triển đất nước, tạo tiền đề cho những thay đổi mang tính căn bản trong tư duy lập pháp về KH&CN sau này, đặc biệt là khi đất nước bước vào thời kỳ Đổi mới.

Giai đoạn 2 - Đổi mới tư duy lập hiến, lập pháp và hoàn thiện khung pháp luật về khoa học và công nghệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Việc đổi mới tư duy trong lập hiến, lập pháp về khoa học và kỹ thuật đã được thể hiện rõ trong Hiến pháp 1992 từ việc ghi nhận theo hướng hiện đại, tiên tiến, phù hợp với thông lệ quốc tế, từ hoạt động “khoa học và kỹ thuật” thành hoạt động “KH&CN” đến những nội dung cơ bản, cốt lõi sau: Khẳng định “Phát triển giáo dục và đào tạo, KH&CN là quốc sách hàng đầu” thể hiện tư tưởng mới, cốt lõi, KH&CN không chỉ là công cụ hay động lực mà trở thành ưu tiên chiến lược ở tầm quốc gia trong phát triển đất nước. Chuyển từ tư duy “quản lý - bao cấp” sang tư duy phát triển và khuyến khích sáng tạo, đề cao tự do nghiên cứu học thuật, sáng tạo khoa học, Nhà nước tạo môi trường và cơ chế để KH&CN phát triển thay vì trực tiếp chỉ đạo. Xã hội hóa hoạt động KH&CN, mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền tham gia hoạt động KH&CN, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho KH&CN. Gắn KH&CN với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hiệu quả kinh tế, KH&CN phải đáp ứng yêu cầu của thị trường, phục vụ tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Đội ngũ trí thức và nhà khoa học, được coi là nguồn lực chiến lược, là chủ thể sáng tạo độc lập. Mở rộng hợp tác quốc tế về KH&CN trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Các quy định trong Hiến pháp 1992 do Quốc hội ban hành đã đặt nền móng hiến định cho pháp luật hiện đại về KH&CN, tạo cơ sở cho việc ban hành Luật KH&CN đầu tiên vào năm 2000. Đây được xem là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử lập pháp Việt Nam về KH&CN. Lần đầu tiên, hoạt động KH&CN được điều chỉnh bằng một đạo luật chuyên ngành, tạo cơ sở pháp lý tương đối toàn diện cho việc tổ chức, quản lý và phát triển KH&CN trong điều kiện kinh tế - xã hội mới. Luật KH&CN 2000 đã xác lập những nguyên tắc cơ bản về hoạt động KH&CN, quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN, đồng thời làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền. Đặc biệt, luật đã bước đầu thừa nhận vai trò của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong hoạt động KH&CN, mở đường cho việc xã hội hóa lĩnh vực này.



Về phương diện lập pháp, việc ban hành Luật KH&CN thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ trong tư duy của Quốc hội, chuyển từ cách tiếp cận quản lý hành chính thuần túy sang xây dựng khuôn khổ pháp lý tạo điều kiện cho KH&CN phát triển. Đây là bước khởi đầu quan trọng, tạo nền tảng cho quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN.

Bước sang những năm đầu thế kỷ XXI, Việt Nam đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế. Việc tham gia các tổ chức quốc tế song phương và đa phương, là thành viên của các điều ước quốc tế về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ, KH&CN đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia theo hướng tiệm cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Phúc đáp yêu cầu của thực tiễn và hội nhập quốc tế, Quốc hội đã ban hành và sửa đổi nhiều đạo luật quan trọng liên quan trực tiếp đến KH&CN, tạo nên một bước phát triển mới về chất của hệ thống pháp luật. Tiêu biểu có thể kể đến: Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Đo lường; Luật Công nghệ cao; Luật Năng lượng Nguyên tử. Các đạo luật này không chỉ điều chỉnh các khía cạnh chuyên biệt của hoạt động KH&CN mà còn tạo mối liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh và thị trường, hội nhập quốc tế.



Hội thảo góp ý cho Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao ngày 12/9/2009.

Có thể khẳng định rằng, trong giai đoạn này, Quốc hội đã từng bước xây dựng được một hệ thống pháp luật về KH&CN tương đối đồng bộ, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, cơ

chế khuyến khích đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu vẫn còn những hạn chế nhất định, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới tư duy lập pháp trong các giai đoạn tiếp theo.

Một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình lập pháp về KH&CN là việc năm 2013 Quốc hội ban hành Luật KH&CN (sửa đổi). Đạo luật này ra đời trong bối cảnh KH&CN ngày càng được khẳng định là động lực then chốt của phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng đặt ra ngày càng cấp thiết. So với các quy định trước đây, Luật KH&CN 2013 thể hiện sự thay đổi rõ nét trong tư duy lập pháp. Trọng tâm quản lý nhà nước được chuyển từ quản lý theo đầu vào sang quản lý theo kết quả và hiệu quả đầu ra của hoạt động KH&CN. Luật đề cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN, đặc biệt là các tổ chức KH&CN công lập, qua đó tạo điều kiện cho các tổ chức này chủ động hơn trong việc lựa chọn hướng hoạt động và sử dụng nguồn lực. Đồng thời, Luật đã tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp KH&CN. Đây được coi là một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất - kinh doanh.

Có thể nói, vai trò của Quốc hội trong giai đoạn này không chỉ dừng lại ở việc ban hành các quy định pháp luật mang tính quản lý mà còn thể hiện rõ nét chức năng kiến tạo phát triển. Thông qua hoạt động lập pháp, Quốc hội đã góp phần tạo lập môi trường pháp lý khuyến khích sáng tạo, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ, phù hợp với đặc thù của lĩnh vực này.

Giai đoạn 3 - Đổi mới, đột phá trong lập pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới đã và đang tạo ra những thay đổi mang tính căn bản trong phương thức sản xuất, quản lý và đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu khách quan đối với sự phát triển của Việt Nam. Thực tiễn trên đòi hỏi đất nước ta cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển S.T.I.D, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng



cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.



Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ mười thông qua Luật Chuyển đổi số.

Từ tình hình trên, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển S.T.I.D quốc gia (Nghị quyết 57). Nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 57, ngay tại kỳ họp bất thường lần thứ 9, ngày 19/2/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển S.T.I.D quốc gia. Tại kỳ họp thứ 9 (vào ngày 27/6/2025), Quốc hội đã thông qua Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, đồng thời sửa đổi, bổ sung ngay tại Luật này một số các luật liên quan để bảo đảm sự thống nhất đồng bộ (Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Đất đai, Luật Báo chí, Luật Xây dựng, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Nhà ở), ban hành và sửa đổi các đạo luật liên quan đến công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, giao dịch điện tử, dữ liệu, v.v.

Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ban hành tiếp tục kế thừa những ưu điểm của Luật KH&CN 2013, luật hóa một số quy định đột phá trong quản lý KH&CN của Nghị quyết 193/2025/QH15 theo hướng nhấn mạnh vai trò của đổi mới sáng tạo trong hoạt động KH&CN, tăng cường quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ kiểm soát quy trình và đầu vào sang quản lý kết quả và hiệu quả đầu

ra, lấy kết quả đầu ra làm căn cứ phân bổ nguồn lực, quy định rõ ràng hơn về cơ chế chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, tăng cường quyền sở hữu và lợi ích cho tổ chức, nhà nghiên cứu và doanh nghiệp, có biện pháp mạnh mẽ thu hút và đãi ngộ nhân tài trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số, đồng thời bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, v.v.

Một đặc điểm đáng chú ý trong hoạt động lập pháp của Quốc hội giai đoạn này là tư duy “đi trước một bước”, chủ động dự báo và điều chỉnh các quan hệ xã hội mới phát sinh từ quá trình chuyển đổi số, đồng thời linh hoạt và đổi mới trong cách tiếp cận lập pháp, nhằm vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, vừa kiểm soát rủi ro.

*

* *

Quốc hội giữ vai trò trung tâm và không thể thay thế trong việc kiến tạo thể chế phát triển S.T.I.D ở Việt Nam. Nhìn tổng thể, tiến trình lập pháp về KH&CN ở Việt Nam phản ánh rõ nét sự phát triển trong tư duy và phương thức hoạt động của Quốc hội qua từng giai đoạn lịch sử. Từ chỗ chưa có hệ thống pháp luật chuyên ngành, đến việc hình thành và từng bước cơ bản hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế, vai trò của Quốc hội ngày càng được khẳng định.

S.T.I.D ngày càng phát triển mạnh mẽ và trở thành động lực chủ yếu của phát triển, đang đặt ra nhiều thách thức mới đối với hoạt động lập pháp. Điều này đòi hỏi Quốc hội tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa trong tư duy và phương thức lập pháp, tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt, chủ động và sáng tạo trong hoạt động lập pháp, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên số ✍